Họ và tên sinh viên: TRẦN NGỌC LÀI

Lớp Y16- Tổ 35- Block C

MSSV: 111160152

Thực tập Ngoại Niệu, Khoa Tiết niệu học - Bệnh viện Bình Dân

--o--

# BỆNH ÁN HẬU PHẪU NGOẠI NIỆU

1. **HÀNH CHÍNH:**

Họ và tên: Tô Ngọc L. Giới: Nữ Năm sinh: 1972 (48 tuổi)

Nghề nghiệp: Nội trợ

Địa chỉ: Khu 1B, thị trấn Cần Đước, huyện Cần Đước, tỉnh Long An

Ngày giờ nhập viện: 9h10 ngày 16/11/2020

Khoa Khám bệnh, BV Bình Dân.

1. **LÝ DO NHẬP VIỆN:** đau hông (P)
2. **BỆNH SỬ:** Bệnh 3 tuần, bệnh nhân khai bệnh:

Cách nhập viện 3 tuần, BN bắt đầu đau hông lưng (P), khởi phát đột ngột, đau âm ỉ, liên tục, không lan -> đi khám BV huyện, siêu âm phát hiện sỏi niệu quản (P), thận ứ nước độ 1, dãn niệu quản, về nhà không điều trị.

Cách nhập viện 1 tuần, BN còn đau hông lưng, đi khám BV Bình Dân, siêu âm sỏi niệu quản (P), được cho thuốc về uống 1 tuần (không rõ)

Ngày NV, BN đau hông lưng (P) nhiều, khởi phát đột ngột, đau quặn cơn, không lan, không yếu tố tăng giảm đau, đi tái khám BV Bình Dân, siêu âm: sỏi niệu quản (P), thận ứ nước độ 2, được cho nhập viện nội soi tán sỏi.

Trong quá trình bệnh, BN không sốt, tiêu tiểu bình thường, không tiểu khó, không tiểu gắt buốt, không tiểu đục, không tiểu máu, không ho, không khạc đàm, không khó thở, không đau bụng, không nôn, không tiêu chảy, không vàng da, không chán ăn, không sụt cân.

* **Tình trạng lúc nhập viện**:

Sinh hiệu: Mạch 96 lần/phút HA 150/90 mmHg

Nhiệt độ: 370C Nhịp thở: 18 lần/phút

Chiều cao: 155cm Cân nặng: 62kg

BN tỉnh, tiếp xúc tốt

Bụng mềm, ấn đau hông (P), chạm thận 2 bên (-)

* **Cận lâm sàng**:

1. Công thức máu: (16/11/2020)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | KẾT QUẢ | Khoảng tham chiếu |
| WBC | **12.70** | 4.6-10 K/uL |
| NEU | **77.6** | 37-66% |
| LYM | 14.6 | 10-50% |
| MONO | 5.1 | 0-12% |
| EOS | 2.0 | 0-7% |
| BASO | 0.7 | 0-2.5% |
| RBC | 4.68 | 4.04-6.13 |
| HGB | 13.6 | 12.2-15.8 |
| HCT | 40.6 | 37.7-48 % |
| MCV | 86.8 | 80-97 fL |
| MCH | 29.1 | 27-31.2 pg |
| MCHC | 33.5 | 31.8-35.4 g/dL |
| RDW | 12 | 14.2-18.4 % |
| PLT | 375 | 142-424 G/L |

* Bạch cầu tăng, ưu thế Neutrophil

Dòng hồng cầu bình thường

Dòng tiểu cầu bình thường

2. TPTNT: (16/11/2020)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|  | **KẾT QUẢ** | **Khoảng tham chiếu** |
| URO | Normal | mg/dL |
| GLU | Normal | mg/dL |
| KET | Neg | mg/dL |
| BIL | Neg | mg/dL |
| PRO | +0.3 | g/L |
| NIT | Neg |  |
| pH | 7.5 |  |
| BLD-RBC | +++250 | mg/dL |
| S.G | 1.020 |  |
| LEU | ++75 | c/uL |
| A/C | **>=1+ >=150** | <30mg/gCr |
| P/C | +0.15 | <0.15 g/gCr |

* TPTNT: tiểu máu

Bạch cầu 75 c/uL

3. Siêu âm bụng: (12/11/2020)

- Gan: không to, bờ đều, cấu trúc đồng nhất.

- Túi mật: không to, thành không dày, không sỏi.

Đường mật: trong và ngoài gan không dãn, không sỏi.

- Tụy: cấu trúc đồng nhất, không to ống Wirsung không giãn.

- Lách: không to, tĩnh mạch lách không dãn.

- Thận:

+ Thận Phải: không sỏi, ứ nước độ II, niệu quản dãn, có sỏi niệu quản lưng #7mm.

+ Thận Trái: có vài sỏi dmax #8mm, không ứ nước.

- Bàng quang: thành không dày, không sỏi.

- Vùng chậu: không hạch, không u.

- Dịch ổ bụng: không có.

- Động mạch chủ bụng: không phình

* Thận (P) ứ nước độ II/ Sỏi niệu quản (P) lưng

Sỏi thận (T)

4. MSCT hệ tiết niệu không cản quang: (05/11/2020)

- Thận (P): không sỏi, ứ nước độ I. Có sỏi niệu quản ngang L4, d#4\*3mm

- Thận (T): có sỏi đài dưới d#5mm, không ứ nước.

- Tuyến thượng thận hai bên không to

- Bàng quang: không sỏi, thành không dày

- Tử cung: Không to, cấu trúc đồng dạng

- Gan- lách- tụy: trong giới hạn bình thường

- Đường mật trong và ngoài gan không dãn, không sỏi. Ống mật chủ không dãn

- Túi mật: không căng, không sỏi cản quang. Thành không dày.

- ĐỘng mạch chủ bụng: không phình.

- Không dịch ổ bụng.

- Các quai ruột và khung đại tràng không dãn, thành không dày.

- Không tổn thương nhu mô hai đáy phổi. Không tràn dịch màng phổi hai bên.

* Thận (P) ứ nước độ I/ Sỏi niệu quản (P) ngang L4

Thận (T) không ứ nước, sỏi đài dưới d#5mm.

5. Đông máu: (16/11/2020)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thời gian Prothrombin | 11.9 | 0.8-1s |
| Thời gian Prothromin chứng | 12.9 | giây |
| INR | 1.14 | <1.2 |
| APTT (TCK) | 29.7 | 24-38s |
| APTT chứng | 32.0 | giây |

* Đông máu: bình thường

6. Nhóm máu: O Rh(+)

7. Sinh hóa máu: (16/11/2020)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Urea | 3.8 | 1.7-8.3 mmol/L |
| Glucose | 4.9 | 4.2-6.7 mmol/L |
| Creatinine | 54 | 44-106 mmol/L |
| eGFR (MDRD) | 104.51 | >60mL/min/1.73m2 |
| eGFR (CKD-EPI) | 107.56 | >60mL/min/1.73m2 |
| AST | 15 | <35 U/L |
| ALT | 18 | <35 U/L |

* Chức năng thận bình thường

Đường huyết bình thường

Men gan bình thường

8. Miễn dịch máu: (16/11/2020)

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| HIV Ag/Ab | 0.06 Âm tính với Ag/Ab HIV | S/CO<1 |
| TSH | 1.195 | 0.200-6.000uIU/mL |
| FT4 | 1.03 | 0.70-1.48 ng/dL |

* HIV âm tính

Chức năng tuyến giáp bình thường

* **Chẩn đoán** trước phẫu thuật: Sỏi niệu quản (P)

Chẩn đoán sau phẫu thuật: Sỏi niệu quản (P)

Phương pháp phẫu thuật: Lấy sỏi niệu quản qua nội soi, lưu JJ (P)

Phương pháp vô cảm: tê tủy sống

* **Lược đồ phẫu thuật**: (16h35-17h05 ngày 16/11/2020)

Lí do phẫu thuật: đau hông lưng (P)

Phương pháp vô cảm: bệnh nhân tê tủy sống

Tư thế bệnh nhân: nằm tư thế sản khoa, rửa da vùng bộ phận sinh dục bằng xà phòng sát khuẩn.

Đường vào: soi vào đường niệu đạo và bàng quang

Mô tả sang thương và cơ quan khác: Luồn guide wire lên niệu quản (P), đưa máy soi lên niệu quản chậu thấy sỏi, luồn guide wire qua được cạnh sỏi.

Xử trí: dùng basket bắt sỏi lôi ra ngoài. Soi kiểm tra lên bể thận thấy không còn sỏi. Rút máy, đặt sonde JJ niệu quản (P).

Gửi GPB: không

Đặt ống dẫn lưu vào vùng mổ: đặt thông foley niệu đạo lưu.

Soi cấy- KSĐ: không.

Kiểm tra đủ gạc và dụng cụ: lưu JJ

Khâu đóng các lớp cân cơ, khâu da: không

Lượng máu mất: ít

Dự kiến rút các ống dẫn lưu: sau 1 tháng

Tiên lượng: khá

* **Điều trị sau phẫu thuật:**

Glucose 5% 500ml x2

Natri clorua 0.9% 500ml x2

TTM 40 giọt/phút

1. Cefoxitin

1g (TMC)

Paracetamol 1g x2

TTM 140 giọt/phút

PT0

Chăm sóc 1

* **Diễn tiến sau phẫu thuật**:
* Hậu phẫu ngày 1: BN tỉnh, sinh hiệu ổn, hết đau hông lưng, cảm giác tức vùng niệu đạo, tiểu qua sonde, nước tiểu hồng, có máu, lượng #300ml, diễn tiến tiểu máu giảm dần.

1. **TIỀN CĂN:**

1. Bản thân:

- Nội khoa: Tăng huyết áp điều trị không rõ

Tiền căn sỏi thận 4-5 năm, không điều trị.

- Ngoại khoa: không ghi nhận tiền căn phẫu thuật trước đây

- Sản khoa: PARA 2002, chưa mãn kinh, kinh nguyệt đều, lần hành kinh gần nhất 05/11/2020

- Thói quen: không sử dụng rượu bia, thuốc lá, chất kích thích

- Thuốc đang dùng: không

- Không tiền căn dị ứng thuốc, thức ăn.

2. Gia đình: không ghi nhận bệnh lí bất thường

1. **LƯỢC QUA CÁC CƠ QUAN:**

1. Tổng trạng: trung bình

2. Tim mạch: không hồi hộp đánh trống ngực, không khó thở

3. Hô hấp: không ho, không khó thở, không khò khè

4. Tiêu hóa: không đau bụng, không buồn nôn, không nôn

5. Tiết niệu - sinh dục: không đau buốt vùng hông lưng, cảm giác tức vùng niệu đạo, tiểu qua ống thông foley, nước tiểu vàng trong, lượng #500ml/ 7 giờ

6. Thần kinh: không đau đầu, không yếu liệt

7. Cơ xương khớp: không biến dạng, không phù, không giới hạn vận động

1. **KHÁM THỰC THỂ:** (7h00 ngày 17/11/2020)

1. Tổng trạng:

BN tỉnh, tiếp xúc tốt, GSC 15 điểm

Sinh hiệu: Mạch 86 lần/phút HA 120/80 mmHg

Nhiệt độ: 370C Nhịp thở: 18 lần/phút

Chiều cao: 1m55 Cân nặng: 62kg BMI= 25.8kg/m2

Tổng trạng trung bình.

Da niêm hồng, chi ấm, mạch quay đều rõ 86 lần/phút

Không vàng da niêm, không phù

Hạch ngoại biên không sờ chạm

2. Đầu mặt cổ:

Cân đối, không biến dạng

Khí quản không lệch

Tuyến giáp không to

Không tĩnh mạch cổ nổi

3. Ngực:

- Lồng ngực cân đối, di động đều theo nhịp thở, không có kéo cơ hô hấp phụ.

- Tim mạch: mỏm tim khoang liên sườn V đường trung đòn trái, diện đập 1x1 cm2, tim đều, T1 T2 rõ, tần số tim 110 lần/phút, không tiếng tim và âm thổi bất thường, dấu Harzer (-), dấu nảy trước ngực (-). Không nghe âm thổi động mạch cảnh.

- Phổi: trong, không ran, rì rào phế nang, êm dịu hai phế trường

4. Bụng:

Bụng cân đối, di động đều theo nhịp thở, không u, không sẹo mổ cũ.

Nhu đông ruột 6 lần/phút, không nghe âm thổi động mạch vùng bụng.

Gõ trong khắp bụng

Bụng mềm, ấn không đau, gan lách không sờ chạm, chạm thận (-), rung thận (-), cầu bàng quang (-)

5. Tiết niệu- sinh dục:

Tiểu qua sonde, nước tiểu vàng trong, lượng #800ml/14 giờ

Âm đạo, niệu đạo không dịch, không máu.

6. Thần kinh:

Cổ mềm, không dấu thần kinh định vị

7. Cơ xương khớp:

Không biến dạng chi, không sưng đau khớp

1. **TÓM TẮT BỆNH ÁN:**

BN nữ, 48 tuổi, nhập viện vì đau hông lưng (P), chẩn đoán Sỏi niệu quản (P), bệnh hậu phẫu lấy sỏi niệu quản qua nội soi, lưu JJ (P) ngày 2, qua hỏi bệnh và thăm khám ghi nhận:

TCCN: Cảm giác tức vùng niệu đạo đặt thông foley

Không sốt

Không đau hông lưng (P)

Tiểu qua sonde vàng trong, không máu

TCTT: Sinh hiệu: Mạch 86 lần/phút HA 120/80 mmHg

Nhiệt độ: 370C Nhịp thở: 18 lần/phút

Bụng mềm, ấn không đau, chạm thận (-), rung thận (-), cầu bàng quang (-)

Tiểu qua sonde, nước tiểu vàng trong, không máu, lượng #800ml/ 14 giờ

Tiền căn: Tăng huyết áp

1. **ĐẶT VẤN ĐỀ:**

1. Hậu phẫu ngày 2 phẫu thuật lấy sỏi niệu quản (P) qua nội soi, lưu JJ (P)

2. Tăng huyết áp

3. Sỏi thận (T)

1. **CHẨN ĐOÁN**

1. Chẩn đoán sơ bộ: Hậu phẫu ngày 2 phẫu thuật lấy sỏi niệu quản (P) qua nội soi, lưu JJ (P) chưa biến chứng/ Sỏi thận (T)- THA

2. Chẩn đoán phân biệt:

1. **BIỆN LUẬN:**

Các vấn đề hiện tại của bệnh nhân là:

1. Hậu phẫu ngày 2 phẫu thuật lấy sỏi niệu quản (P) qua nội soi, lưu JJ (P):

- Hậu phẫu ngày 2, BN tỉnh, sinh hiệu ổn, không sốt, không đau vùng hông lưng, còn tức vùng niệu đạo do đặt thông foley niệu đạo; vùng âm đạo, niệu đạo không chảy dịch, không chảy máu, hiện tại nước tiểu ra ống thông foley màu vàng trong, không còn máu nên nghĩ tình trạng BN hiện ổn, JJ hoạt động đúng chức năng, không dấu nhiễm trùng, không tắc nghẽn.

2. THA: hiện tại HA bệnh nhân ổn

3. Sỏi thận (T): BN không có triệu chứng tắc nghẽn hay nhiễm trùng, sỏi d#5mm, thận (T) không ứ nước -> theo dõi siêu âm lại sau hoặc khi BN có triệu chứng lâm sàng: tiểu khó, bí tiểu, tiểu nhiều lần, tiểu gắt buốt, tiểu máu, đau hông lưng,…

1. **ĐỀ NGHỊ CẬN LÂM SÀNG:**

1. Công thức máu: làm lại sau 24-48 giờ -> đánh giá tình trạng nhiễm trùng

1. **KẾT QUẢ CẬN LÂM SÀNG:**
2. **CHẨN ĐOÁN XÁC ĐỊNH**

∆: Hậu phẫu ngày 2 phẫu thuật lấy sỏi niệu quản (P) qua nội soi, lưu JJ (P) chưa biến chứng/ Sỏi thận (T)- THA

1. **ĐIỀU TRỊ**

1. Kháng sinh

2. Kiểm soát huyết áp

3. Theo dõi sinh hiệu, tri giác, các triệu chứng: đau buốt vùng hông lưng, tăng khi đi tiểu, tiểu nhiều lần, cảm giác rát buốt khi tiểu gần xong, đau tức vùng trên xương mu, màu sắc nước tiểu theo dõi tiểu máu, dấu nhiễm trùng, rơi ống thông JJ ra ngoài.

4. Dinh dưỡng và sinh hoạt:

- Không có chế độ cữ ăn, uống

- Uống >2 lít nước/ngày

- Vận động nhẹ, tránh khuân vác nặng

- Tránh vận động quá sức

- Hoạt động thể dục thể thao nhẹ nhàng.

1. **TIÊN LƯỢNG:** Tiên lượng tốt, do hậu phẫu BN hiện ổn